TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HSST.
Ngày: 04 - 4 - 2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Som Nang.

Bà Tiêu Thị Phương Bắc.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/TLST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Huỳnh Văn T, sinh năm: 1987 tại huyện C; Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh S; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn N(Sống) và bà Thạch Thị D (Sống); có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 *(Ba)* năm tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017, hiện nay Huỳnh Văn T đang chấp hành án phạt tù theo quyết định thi hành án hình sự số 21/2017/QĐ-CA ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng "Có mặt".

- *Bị hại:* Trần Thị Út H, sinh năm 1989; Cư trú tại: Tổ dân phố số 8, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G "Vắng mặt".

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

+ Trần Phú T, sinh năm: 1982; Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh S "Vắng mặt".

+ Huỳnh Thị T, sinh năm: 1962; Cư trú tại: Ấp V, xã An T, huyện C, tỉnh S "Vắng mặt".

+ Huỳnh Văn N, sinh năm: 1955; Cư trú tại: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh S "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn T và Trần Thị Út H có quen biết nhau qua mạng xã hội (Mạng zalo). Khi quen biết T giới thiệu với H là T làm ngành Công an và hiện nay đang công tác tại Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Lợi dụng sự quen biết và lòng tin của Trần Thị Út H, Huỳnh Văn T nói với Trần Thị Út H rằng mình cần một số tiền để lo chạy chức vụ và trả số tiền Toàn được Công an huyện C giao quản lý, nhưng T đã làm mất, nên T đã nghĩ ra thủ đoạn là hợp đồng vay (mượn) tiền của Trần Thị Út H hai lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 17 tháng 7 năm 2016, T hợp đồng vay (mượn) của Trần Thị Út H số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* với mục đích là lo chạy chức vụ. Tin lời của T, nên ngày 18 tháng 7 năm 2016 H đã chuyển cho T số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* để nhận được số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* của H, T đã nói dối với Trần Phú T (người quen của T) là "Người thân của T bị bệnh và bạn của T cho mượn tiền, nhưng ở xa không gửi về được, T không có số tài khoản", thấy hoàn cảnh T tội nghiệp, nên Trần Phú T đã cho T mượn số tài khoản thẻ ATM của T là 7613205062112, T nói với H chuyển tiền vào tài khoản 7613205062112 của Trần Phú T, khi H chuyển tiền vào tài khoản thẻ ATM của T (có tiền trong tài khoản) thì T đã rút ra số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* giao cho T đầy đủ.

Lần thứ hai: Vào ngày 25 tháng 7 năm 2016, Huỳnh Văn T tiếp tục hợp đồng vay (mượn) của Trần Thị Út H 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)*, với mục đích là dùng số tiền này để trả số tiền T được Công an huyện C giao quản lý, nhưng T đã làm mất, nếu không có tiền trả lại cơ quan thì T sẽ bị đình chỉ công tác, tin lời của T, nên ngày 26 tháng 7 năm 2016 đã chuyển tiếp số tiền 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)* cho Huỳnh Văn T vào Ngân hàng Nông nghiệp – Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Lần này Huỳnh Văn T đã dùng chứng minh nhân dân của T mang số 365611381 để rút số tiền 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)* mà H đã gửi.

Tổng cộng Huỳnh Văn T đã vay (mượn) tiền của Trần Thị Út H 02 *(Hai)* lần với tổng số tiền là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*. Sau khi chiếm đoạt tiền của H thì T tiêu xài hết. Sau đó, T tiếp tục hỏi vay (mượn) thêm tiền của H nhiều lần, nhưng H không cho vay (mượn) mà H yêu cầu T trả lại số tiền T đã vay (mượn) của H, nhưng T không trả mà T còn đổi số sim điện thoại để H không liên lạc được với T.

Trên cơ sở kết quả điều tra và những tài liệu chứng cứ thu được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Huỳnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Vật chứng trong vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu hồi được vật chứng.

Tại bản cáo trạng số: 25/QĐ-KSĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh S đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng để xét xử đối với Huỳnh Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số: 25/QĐ-KSĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung và tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có các tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền của bị hại đến 02 *(Hai)* lần, nên bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Ngày 07 tháng 09 năm 2017 Huỳnh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh S xử phạt 03 *(Ba)* năm tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017, hiện nay Huỳnh Văn T đang chấp hành án phạt tù theo quyết định thi hành án hình sự số 21/2017/QĐ-CA ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh S. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) tuyên phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 12 *(Mười hai)* đến 15 *(Mười lăm)* tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tổng hợp hình phạt 03 *(Ba)* năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh S. Về trách nhiệm dân sự áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải hoàn trả lại cho bị hại Trần Thị Út H số tiền đã lừa đảo của Út H là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*. Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C không thu hồi được vật chứng, đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt của bị hại Trần Thị Út H lập ngày 16 tháng 3 năm 2017 yêu cầu Hội đồng xét xử, xử lý bị cáo T theo quy định của pháp luật và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền đã lừa đảo là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*.

- Ý kiến của bị cáo T: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố, hiện nay bị cáo chưa hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt là 17.000.000 đồng

(Mười bảy triệu đồng) cho bị hại, bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi của mình đã gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại Trần Thị Út H và những người làm chứng Trần Phú T và Huỳnh Thị T vắng mặt tại phiên tòa. Do bị hại Út H có đơn xin xét xử vắng mặt và trước đó bị hại và những người làm chứng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại Trần Thị Út H và những người làm chứng Trần Phú T và Huỳnh Thị T.

[3] Tại phiên Toà hôm nay, bị cáo Huỳnh Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là Huỳnh Văn T và Trần Thị Út H có quen biết nhau qua mạng xã hội (Mạng zalo). Khi quen biết T giới thiệu với H là T làm ngành Công an và hiện nay đang công tác tại Công an huyện C, tỉnh S. Lợi dụng sự quen biết và lòng tin của Trần Thị Út H, Huỳnh Văn T nói với Trần Thị Út H rằng mình cần một số tiền để lo chạy chức vụ và trả số tiền T được Công an huyện C giao quản lý, nhưng T đã làm mất, nên T đã nghĩ ra thủ đoạn là hợp đồng vay (mượn) tiền của Trần Thị Út H hai lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 17 tháng 7 năm 2016, T hợp đồng vay (mượn) của Trần Thị Út H số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* với mục đích là lo chạy chức vụ. Tin lời của T, nên ngày 18 tháng 7 năm 2016 H đã chuyển cho T số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* để nhận được số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* của H, T đã nói dối với Trần Phú T (người quen của T) là "Người thân của T bị bệnh và bạn của T cho mượn tiền, nhưng ở xa không gửi về được, T không có số tài khoản", thấy hoàn cảnh T tội nghiệp, nên Trần Phú T đã cho T mượn số tài khoản thẻ ATM của T là 7613205062112, T nói với H chuyển tiền vào tài khoản 7613205062112 của Trần Phú T, khi H chuyển tiền vào tài khoản thẻ ATM của T (có tiền trong tài khoản) thì T đã rút ra số tiền 8.000.000 đồng *(Tám triệu đồng)* giao cho T đầy đủ.

Lần thứ hai: Vào ngày 25 tháng 7 năm 2016, Huỳnh Văn T tiếp tục hợp đồng vay (mượn) của Trần Thị Út H 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng),* với mục đích là dùng số tiền này để trả số tiền T được Công an huyện C giao quản lý,

nhưng T đã làm mất, nếu không có tiền trả lại cơ quan thì T sẽ bị đình chỉ công tác, tin lời của T, nên ngày 26 tháng 7 năm 2016 đã chuyển tiếp số tiền 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)* cho Huỳnh Văn T vào Ngân hàng Nông nghiệp – Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng. Lần này Huỳnh Văn T đã dùng chứng minh nhân dân của T mang số 365611381 để rút số tiền 9.000.000 đồng *(Chín triệu đồng)* mà H đã gửi.

Tổng cộng Huỳnh Văn T đã vay (mượn) tiền của Trần Thị Út H 02 *(Hai)* lần với tổng số tiền là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)*. Sau khi chiếm đoạt tiền của H thì T tiêu xài hết. Sau đó, T tiếp tục hỏi vay (mượn) thêm tiền của H nhiều lần, nhưng H không cho vay (mượn) mà H yêu cầu T trả lại số tiền T đã vay (mượn) của H, nhưng T không trả mà T còn đổi số sim điện thoại để H không liên lạc được với T.

[4] Đối với lời khai nhận tội và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo T, xét thấy lời thừa nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo là người trên 18 tuổi, bị cáo nhận thức được hành vi đã gây ra, bản thân bị cáo nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin sai sự thật để lừa dối bị hại, để bị hại tin tưởng giao tài sản của bị hại và nhiều lần chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng số tiền 17.000.000 đồng là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân nói chung, của bị hại Trần Thị Út H nói riêng được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy, cáo trạng số 25/QĐ-KSĐT, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh S đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, để có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Ngày 07 tháng 9 năm 2017, bị cáo Huỳnh Văn T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 03 *(Ba)* năm tù về tội "Cướp giật tài sản", thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017, hiện nay Huỳnh Văn T đang chấp hành án phạt tù theo quyết định thi hành án hình sự số 21/2017/QĐ-CA ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng đây sẽ là cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[5]Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T thấy rằng trong vụ án này bị cáo T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền của bị hại đến 02 *(Hai)* lần, nên bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần. Vì vậy, căn

cứ vào điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T thấy rằng, trước khi lượng hình cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, căn cứ vào điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung không thu hồi được vật chứng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Văn T là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 51 và Điều 33 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

+ Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 01 *(Một)* năm tù, tổng hợp hình phạt 03 *(Ba)* năm tù của bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HSST, ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, hình phạt chung đối với bị cáo Huỳnh Văn T là 04 *(Bốn)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Buộc bị cáo Huỳnh Văn T phải hoàn trả cho bị hại Trần Thị Út H số tiền là 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng.)*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Trần Thị Út H có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo T không hoàn trả số tiền 17.000.000 đồng *(Mười bảy triệu đồng)* thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi cho bị hại theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án. Trường hợp tại thời điểm trả tiền, mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự có thay đổi theo quyết định của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội thì lãi suất chậm trả tiền được thực hiện bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự theo quy định của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

+ Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp là 200.000 đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*.

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp án phí có giá ngạch là 850.000 đồng *(Tám trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại Trần Thị Út H không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên